

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về kiểm tra vệ sinh thú y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học hợp nhất ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1695/TTr-SNN ngày 13 tháng 9 năm 2021; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 5945/STP-VB ngày 23 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về kiểm tra vệ sinh thú y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thành ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố;
- UBND thành phố Thủ Đức, quận - huyện;
- Các Sở, ban ngành Thành phố;
- Các Đoàn thể Thành phố;
- Các cơ quan Báo, Đài Thành phố;
- VPUB: PCVP/KT, Các Phòng CV;
- Lưu: VT, (KT/Linh). 9

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về kiểm tra vệ sinh thú y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển,
kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Kèm theo Quyết định số **54** /2021/QĐ-UBND
ngày **28** tháng **12** năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về kiểm tra vệ sinh thú y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

Điều 3. Kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở

1. Căn cứ kiểm tra vệ sinh thú y

- a) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;
- b) Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc

a) Các cơ sở chăn nuôi động vật quy mô trang trại, cơ sở kinh doanh động vật dùng làm thực phẩm: việc kiểm tra vệ sinh thú y được thực hiện theo quy định của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Các cơ sở còn lại: việc kiểm tra vệ sinh thú y được thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

c) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP, VietGAP) hoặc cơ sở có Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh thì được công nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y.

3. Nội dung kiểm tra

- a) Yêu cầu về địa điểm, cơ sở vật chất, nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ;
- b) Yêu cầu nguyên liệu đầu vào để sản xuất kinh doanh, nước để sản xuất;
- c) Yêu cầu về con người tham gia sản xuất, kinh doanh và quản lý chất lượng;
- d) Chương trình quản lý vệ sinh thú y đang áp dụng;
- đ) Việc quản lý và xử lý chất thải rắn, nước thải và các nội dung khác theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;
- e) Lấy mẫu kiểm nghiệm (nếu cần).

4. Phương pháp kiểm tra: kiểm tra hồ sơ, tài liệu và phỏng vấn các đối tượng có liên quan; kiểm tra hiện trường, lấy mẫu theo quy định.

5. Tần suất kiểm tra:

a) Đối với các cơ sở tại điểm a khoản 2 Điều 3: tần suất kiểm tra tùy thuộc vào xếp loại cơ sở

- Cơ sở xếp loại A: 1 lần/18 tháng;
- Cơ sở xếp loại B: 1 lần/12 tháng;
- Cơ sở xếp loại C: tùy thuộc vào mức độ sai lỗi của cơ sở, nhưng không quá 3 tháng tính từ thời điểm thẩm định xếp loại C.

b) Đối với các cơ sở tại điểm b khoản 2 Điều 3: tần suất kiểm tra 01 lần/12 tháng;

c) Kiểm tra đột xuất khi có khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm điều kiện chăn nuôi, hoặc có thông tin phản ánh của người dân, có sự cố về an toàn thực phẩm liên quan hoặc theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

Điều 4. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển động vật

1. An toàn kỹ thuật để bảo vệ động vật trong quá trình vận chuyển;
2. Bảo đảm không để thoát nước thải và chất thải ra môi trường trong quá trình vận chuyển;
3. Dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;
4. Đối với phương tiện vận chuyển kín phải có hệ thống cung cấp dưỡng khí hoặc thông khí thích hợp;

5. Trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển động vật, mật độ vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-100:2012/BNNPTNT ban hành theo Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với động vật trong quá trình vận chuyển

1. Yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ:

a) Đối với động vật có nguồn gốc trong Thành phố Hồ Chí Minh: có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ; hoặc có Giấy chứng nhận tiêm phòng (đối với trường hợp được cấp giấy chứng nhận tiêm phòng), sổ sức khỏe động vật (phù hợp với cá thể động vật) hoặc Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y;

b) Động vật có nguồn gốc từ các tỉnh: phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh do cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi xuất phát cấp;

c) Động vật nhập khẩu từ nước ngoài: phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu.

2. Yêu cầu về an toàn dịch bệnh:

a) Đối với gia súc: xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc đã được tiêm phòng hoặc có kết quả xét nghiệm âm tính hoặc đạt bảo hộ đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (Lở mồm long móng, Tai xanh ở lợn, Tụ huyết trùng, Dịch tả lợn Châu Phi, Dịch tả lợn, Lao, Nhiệt thán); kết quả xét nghiệm cho từng cá thể hoặc lô hàng phải còn giá trị trong chu kỳ lấy mẫu;

b) Đối với gia cầm, chim cảnh: có kết quả xét nghiệm âm tính với bệnh cúm gia cầm thể độc lực cao (còn giá trị trong vòng 6 tháng);

c) Đối với chó, mèo: đã được tiêm phòng bệnh dại trong thời gian 01 năm kể từ ngày tiêm phòng;

d) Đối với động vật khác: đã được tiêm phòng hoặc có kết quả xét nghiệm âm tính hoặc đạt bảo hộ đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định đối với từng loài gia súc.

Điều 6. Yêu cầu vệ sinh thú y trong hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật

1. Yêu cầu về địa điểm:

a) Có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương nơi tổ chức;

b) Có khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật;

c) Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc khu vực tập trung động vật;

d) Có biện pháp xử lý chất thải, nước thải của động vật.

2. Yêu cầu đối với động vật: có nguồn gốc rõ ràng, không mang mầm bệnh đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 5 quy định này.

3. Yêu cầu về vệ sinh thú y và việc thực hiện kiểm dịch tại nơi xuất phát và nơi đến:

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y để vận chuyển, sử dụng trong nước; trường hợp có nhu cầu xuất ra khỏi Việt Nam, chủ hàng phải làm thủ tục theo quy định về kiểm dịch xuất khẩu;

b) Trong thời gian tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, chủ vật nuôi, đơn vị tổ chức phải thực hiện các quy định về yêu cầu vệ sinh thú y dưới sự giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT

Điều 7. Quy định chung về hoạt động chăn nuôi

1. Khai báo chăn nuôi:

a) Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân không thực hiện việc kê khai, khai báo, không tiêm phòng cho gia súc, gia cầm (đối với các bệnh bắt buộc phải tiêm phòng) khi chăn nuôi sẽ không được hưởng các chính sách hỗ trợ khi có dịch bệnh xảy ra;

b) Loại động vật, số lượng vật nuôi phải thực hiện kê khai: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

c) Thời điểm kê khai hoạt động chăn nuôi: Tổ chức, cá nhân chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý. Trường hợp xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh giáp ranh; trường hợp chăn nuôi động vật có thời gian sinh trưởng ngắn (thời gian nuôi đến thời gian xuất bán dưới 60 ngày); thực hiện khai báo hoạt động chăn nuôi trong vòng 72 giờ kể từ khi đưa động vật về nuôi.

2. Giống vật nuôi phải đảm bảo yêu cầu tại Điều 18 Luật Chăn nuôi năm 2018, có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, được tiêm phòng các bệnh theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương; thực hiện chương trình giám sát dịch bệnh định kỳ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Địa điểm nuôi động vật (trừ động vật nuôi làm cảnh, động vật nuôi trong phòng thí nghiệm) phải nằm trong khu vực được phép chăn nuôi đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; trường hợp địa điểm nuôi động vật không nằm trong khu vực được phép chăn nuôi đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quy định thì phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 (quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Chăn nuôi năm 2018); không thả rông gia cầm trên địa bàn Thành phố; không chăn, thả, nuôi gia súc, gia cầm trong nhà chung cư.

4. Hoạt động chăn nuôi:

a) Chuồng nuôi gia súc, gia cầm phải tách biệt với nơi ở của người;

b) Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật theo quy định, kê đơn thuốc và sử dụng thuốc thú y theo đúng quy định;

c) Tổ chức, cá nhân hoạt động nuôi động vật phải thực hiện thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại, không gây tiếng ồn và mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, đối xử nhân đạo với động vật; quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, vận chuyển phù hợp với từng loài động vật;

d) Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ cơ sở chăn nuôi phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc chính quyền địa phương và tiến hành xử lý động vật bệnh theo sự chỉ đạo chuyên môn của cơ quan chuyên ngành thú y;

đ) Thức ăn và nước uống dùng trong chăn nuôi phải bảo đảm không gây độc hại cho vật nuôi và người sử dụng sản phẩm động vật, đáp ứng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

e) Thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong chăn nuôi phải nằm trong danh mục được phép lưu hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tuân thủ theo hướng dẫn sử dụng ghi trên bao bì, tài liệu hướng dẫn sử dụng hoặc hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y;

g) Duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn sinh học, an toàn thực phẩm và cung cấp được thông tin liên quan đến việc mua bán sản phẩm.

5. Điều kiện về kỹ thuật:

a) Cơ sở nuôi giữ giống gốc, cơ sở tạo dòng, giống vật nuôi phải có nhân viên kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học;

b) Cơ sở nuôi đàn giống cấp bố mẹ đối với lợn, gia cầm, đàn nhân giống, sản xuất con giống vật nuôi phải có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học.

Điều 8. Chăn nuôi trang trại quy mô lớn

1. Đáp ứng các yêu cầu tại Điều 7 Quy định này.

2. Yêu cầu về địa điểm chăn nuôi:

a) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi; việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

b) Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét;

c) Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét.

Điều 9. Chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ

1. Đáp ứng các yêu cầu tại Điều 7 Quy định này.

2. Yêu cầu về địa điểm chăn nuôi:

a) Phải được thẩm định và cấp chứng nhận đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Điều 3 Quy định này;

b) Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 150 mét;

c) Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 300 mét;

d) Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét;

đ) Tần suất kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ: 03 năm một lần.

3. Hoạt động chăn nuôi:

a) Trang trại chăn nuôi heo, trang trại chăn nuôi gia cầm: phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện trại chăn nuôi an toàn sinh học theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-14:2010/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học);

b) Trang trại chăn nuôi trâu, bò: phải đáp ứng các yêu cầu theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9121:2012, Trại chăn nuôi gia súc lớn - Yêu cầu chung.

4. Có phương án bảo vệ môi trường:

a) Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 50 m² đến dưới 1.000 m², các dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 100 đến dưới 500 đầu gia súc hoặc từ 5.000 đến dưới 20.000 đầu gia cầm phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;

b) Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 1.000m² trở lên, các dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại trên 500 đầu gia súc hoặc trên 20.000 đầu gia cầm phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 10. Chăn nuôi nông hộ

1. Đáp ứng yêu cầu tại Điều 7 Quy định này.

2. Phải có khu vực chăn nuôi riêng biệt đối với từng loài động vật.

3. Định kỳ vệ sinh, khử trùng tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.

4. Có biện pháp xử lý phân, nước thải, khí thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây ảnh hưởng đến người xung quanh.

5. Các yêu cầu khác:

a) Thực hiện theo quy định tại Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ ban hành kèm theo Quyết định số 2509/QĐ-BNN-CN ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 11. Quy định nuôi động vật làm giống

1. Tổ chức, cá nhân nuôi động vật làm giống phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 22 và Điều 55 Luật Chăn nuôi năm 2018.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất tinh, phôi, trứng giống, ấu trùng giống vật nuôi phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 23 và Điều 55 Luật Chăn nuôi năm 2018.

Điều 12. Quy định nuôi chim yến

1. Địa điểm nuôi chim yến phải nằm trong vùng nuôi đã được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt. Trường hợp nhà yến không nằm trong vùng nuôi đã được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt phải giữ nguyên trạng, không được coi nới và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Chăn nuôi năm 2018.

2. Khoảng cách giữa những nhà nuôi chim yến liền kề của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn sinh học và vệ sinh môi trường.

3. Thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến có cường độ âm thanh đo tại miệng loa không vượt quá 70dBA (đề xi ben A); thời gian phát loa phóng để dẫn dụ chim yến từ 5 giờ đến 11 giờ 30 và từ 13 giờ 30 đến 19 giờ mỗi ngày, Trường hợp nhà yến không nằm trong vùng nuôi đã được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300 mét thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.

4. Cơ sở nuôi chim yến phải thực hiện lấy mẫu xét nghiệm giám sát lưu hành bệnh cúm gia cầm (thể độc lực cao hoặc chủng vi rút có khả năng truyền lây bệnh cho người) theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y, nếu có kết quả xét nghiệm dương tính thì xử lý như đối với ổ dịch Cúm gia cầm.

5. Cơ sở nuôi chim yến phải có hồ sơ ghi chép và lưu trữ thông tin về hoạt động nuôi chim yến, sơ chế, bảo quản tổ yến bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm chim yến.

6. Đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

Điều 13. Quy định nuôi chó mèo

1. Chó, mèo phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu đối với động vật theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

2. Người nuôi chó, mèo phải đăng ký việc nuôi chó, mèo với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Nuôi chó, mèo phải nhốt giữ trong khuôn viên gia đình, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, giữ gìn vệ sinh môi trường, không gây ồn ào, không ảnh hưởng xấu tới những người xung quanh; không thả rông chó, mèo.

4. Khi đưa chó, mèo ra nơi công cộng phải giữ vệ sinh môi trường, bảo đảm an toàn cho người xung quanh; chó, mèo phải được xích giữ, đeo rọ mõm và có người dắt.

5. Các nguồn gây ra tiếng ồn do hoạt động nuôi chó, mèo không được vượt quá 70dBA (từ 6 giờ đến 21 giờ) và 55dBA (21 giờ đến 6 giờ).

6. Trường hợp chó, mèo tấn công gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức, cá nhân nuôi chó, mèo phải thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh dại theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y; tất cả chó, mèo trong diện tiêm phòng bắt buộc phải được tiêm vắc xin phòng bệnh dại định kỳ mỗi năm 01 lần.

Điều 14. Quy định nuôi động vật làm cảnh

1. Động vật nuôi làm cảnh phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu đối với động vật theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

2. Nuôi, giữ động vật nuôi làm cảnh trong khuôn viên gia đình; bảo đảm vệ sinh môi trường, không gây ảnh hưởng tới người xung quanh, không gây mất an ninh trật tự.

3. Các nguồn gây ra tiếng ồn do hoạt động nuôi động vật cảnh không được vượt quá 70dBA (từ 6 giờ đến 21 giờ) và 55dBA (21 giờ đến 6 giờ).

4. Tổ chức, cá nhân nuôi động vật làm cảnh có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật đầy đủ, kịp thời theo quy định. Không nuôi động vật cảnh với mục đích cá cược hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

Điều 15. Quy định nuôi động vật hoang dã

1. Điều kiện nuôi các loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES (Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp) vì mục đích thương mại.

a) Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác;

b) Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;

c) Loài nuôi là loài được cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát và được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên;

d) Có phương án nuôi theo Mẫu số 04, Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ;

đ) Trong quá trình nuôi phải lập sổ theo dõi nuôi theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân nuôi động vật rừng thông thường phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, đảm bảo các điều kiện sau:

a) Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi, chăm sóc động vật hoang dã có quy mô từ 05 đến dưới 50 động vật hoang dã phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;

b) Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi, chăm sóc động vật hoang dã có quy mô trên 50 động vật hoang dã phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chương IV **QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN ĐỘNG VẬT**

Điều 16. Vận chuyển động vật trong địa bàn Thành phố

1. Vận chuyển gia súc, gia cầm khi không xảy ra dịch bệnh trên địa bàn Thành phố: động vật vận chuyển phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

2. Vận chuyển gia súc, gia cầm khi xảy ra dịch bệnh trên địa bàn Thành phố

a) Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (theo quy định tại Mục I Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNN-PTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn) gia súc, gia cầm chỉ được vận chuyển ra ngoài ổ dịch theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc cơ quan có thẩm quyền khi đáp ứng đủ các điều kiện trong công tác phòng chống dịch;

b) Gia súc, gia cầm khi vận chuyển từ phường/xã có phát sinh dịch bệnh qua các phường/xã khác: phải được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kiểm tra xác nhận nguồn gốc lô động vật, kiểm tra lâm sàng chặt chẽ (Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y); không vi phạm các quy định về cấm vận chuyển, mua bán động vật mắc bệnh, động vật mắc cảm với dịch bệnh động vật đang phát sinh.

3. Vận chuyển động vật làm cảnh

a) Động vật làm cảnh khi vận chuyển phải đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc và không mang mầm bệnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này;

b) Động vật làm cảnh khi vận chuyển phải được nhốt trong lồng, thùng, túi đựng, có biện pháp thu gom chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ảnh hưởng và phải bảo đảm an toàn cho người xung quanh;

c) Vận chuyển chó, mèo nếu không nhốt trong lồng, thùng, túi đựng thì phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 4 Điều 13 Quy định này.

4. Động vật hoang dã khi vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có hồ sơ hợp pháp theo quy định của pháp luật về quản lý lâm sản và thủy sản;

b) Có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật khi vận chuyển mẫu vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về thú y;

c) Đảm bảo an toàn cho mẫu vật sống và người có liên quan trong quá trình vận chuyển và tại cơ sở tiếp nhận mẫu vật.

Điều 17. Vận chuyển động vật ra ngoài tỉnh, vận chuyển động vật từ tỉnh vào Thành phố, vận chuyển động vật quá cảnh qua địa bàn Thành phố

1. Động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, vận chuyển từ tỉnh vào thành phố, vận chuyển quá cảnh qua địa bàn Thành phố:

a) Động vật phải được kiểm dịch và có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phù hợp với lô hàng do cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi xuất phát cấp;

b) Động vật phải khỏe mạnh, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y (không sử dụng chất cấm, thuốc an thần), không làm lây lan dịch bệnh động vật, không gây hại đến sức khỏe con người;

c) Phải thực hiện việc kiểm dịch động vật tại các Trạm kiểm dịch đầu mối giao thông trên tuyến đường đi.

2. Phương tiện vận chuyển động vật phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Quy định này.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, ngoài việc đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, phương tiện vận chuyển động vật phải đi theo các tuyến đường quy định theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện tốt công tác phòng chống dịch.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH ĐỘNG VẬT

Điều 18. Quy định chung về kinh doanh động vật

1. Cơ sở kinh doanh động vật phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y theo quy định.

2. Cơ sở kinh doanh động vật phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y

a) Có trang thiết bị, dụng cụ, nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

b) Có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường; nước thải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 62-MT:2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi;

c) Các nguồn gây ra tiếng ồn do hoạt động kinh doanh động vật không được vượt quá 70dBA (từ 6 giờ đến 21 giờ) và 55dBA (21 giờ đến 6 giờ);

d) Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc định kỳ theo quy định.

3. Cơ sở kinh doanh động vật phải có khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật.

4. Cơ sở kinh doanh động vật phải có sổ sách theo dõi ghi chép các thông tin liên quan theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương.

5. Không buôn bán rong động vật trên địa bàn Thành phố; không sử dụng lòng lề đường để kinh doanh động vật.

Điều 19. Điều kiện kinh doanh giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống vật nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống vật nuôi, Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y tại địa điểm sản xuất, kinh doanh;

b) Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc sản xuất, kinh doanh của từng loài vật nuôi và từng phẩm cấp giống;

c) Địa điểm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y và pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên chuyên ngành chăn nuôi hoặc thú y đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thuần chủng, cụ kỵ, ông bà, hạt nhân; nhân viên kỹ thuật trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành chăn nuôi hoặc thú y đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thương phẩm;

đ) Có hồ sơ theo dõi giống;

e) Thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống vật nuôi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm giống vật nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống vật nuôi, Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y tại địa điểm sản xuất, kinh doanh;

b) Có nhân viên kỹ thuật được cấp bằng hoặc chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi;

c) Có dụng cụ, thiết bị bảo quản phù hợp với từng loại tinh, phôi; vận chuyển theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

d) Nơi bảo quản phải tách biệt hoặc không bị ô nhiễm bởi thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại;

đ) Có biện pháp bảo đảm an toàn cho người, vật nuôi, môi trường xung quanh;

e) Có sổ sách theo dõi việc bảo quản, mua bán.

Điều 20. Yêu cầu đối với giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi

1. Yêu cầu đối với giống vật nuôi:

a) Đáp ứng các yêu cầu tại Điều 5 quy định này;

b) Có hồ sơ giống, lý lịch, hệ phả rõ ràng;

c) Được sản xuất từ cơ sở sản xuất giống, phù hợp với chất lượng giống công bố áp dụng;

d) Được giống sử dụng trong cơ sở sản xuất tinh nhằm mục đích thương mại phải được kiểm tra năng suất cá thể, đạt chất lượng theo quy định;

đ) Đã công bố tiêu chuẩn áp dụng;

e) Có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng;

g) Đáp ứng yêu cầu kiểm dịch theo quy định của pháp luật về thú y.

2. Yêu cầu đối với sản phẩm giống vật nuôi:

a) Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (đối với sản phẩm giống vật nuôi nhập khẩu phải có hồ sơ nhập khẩu kèm theo);

b) Đã công bố tiêu chuẩn áp dụng;

c) Có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng;

d) Đáp ứng yêu cầu kiểm dịch theo quy định của pháp luật về thú y.

Điều 21. Kinh doanh động vật cảnh

1. Cơ sở kinh doanh động vật cảnh phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

2. Địa điểm kinh doanh động vật phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y; có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc định kỳ theo quy định.

3. Cơ sở kinh doanh động vật cảnh phải có khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật.

4. Cơ sở kinh doanh động vật phải có trang thiết bị, dụng cụ, nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y.

5. Động vật cảnh phải rõ nguồn gốc xuất xứ và không mang mầm bệnh đáp ứng các yêu cầu tại Điều 5 quy định này.

6. Cơ sở kinh doanh động vật phải có sổ sách theo dõi ghi chép các thông tin liên quan theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương.

Điều 22. Kinh doanh động vật hoang dã

1. Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

2. Có sổ theo dõi hoạt động theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ; chịu sự kiểm tra của Chi cục Kiểm lâm.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các Sở ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức hướng dẫn các cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này;

b) Tổ chức việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ trên địa bàn Thành phố;

c) Tổ chức thẩm định, cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi, kinh doanh động vật theo quy định; kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh, việc thực hiện quy định này trên địa bàn Thành phố;

d) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn điều kiện chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học cho các tổ chức, cá nhân có liên quan;

e) Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y giám sát chặt chẽ tình hình dịch tễ tại hộ, cơ sở chăn nuôi, kinh doanh động vật; lấy mẫu giám sát dịch bệnh theo định kỳ và lấy mẫu kiểm tra đột xuất khi có hiện tượng động vật chết bất thường hoặc khi có dịch bệnh xảy ra; kiểm tra nguồn gốc lô động vật, lập biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y cho các lô động vật đạt yêu cầu vận chuyển; phối hợp với các tỉnh kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố.

2. Cục Quản lý thị trường: chủ trì Đoàn kiểm tra liên ngành phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố và các đoàn kiểm tra liên ngành quận, huyện kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm trong vận chuyển động vật, tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm về buôn lậu, kinh doanh, vận chuyển, tiêu thụ động vật không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không đảm bảo an toàn thực phẩm.

3. Sở Thông tin và Truyền thông: hướng dẫn các cơ quan báo, đài Thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về quy định này.

4. Sở Quy hoạch - Kiến trúc: công bố, hướng dẫn tổ chức, cá nhân các quy hoạch phát triển đô thị trong từng giai đoạn cụ thể để người dân tham gia chăn nuôi an tâm đầu tư sản xuất. Hướng dẫn các quy định về cấp giấy phép xây dựng nhà yến, các công trình phụ trợ phục vụ chăn nuôi trên đất sản xuất nông nghiệp.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi thực hiện các dự án chăn nuôi trang trại; quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch vùng nuôi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và các quy hoạch sản xuất nông nghiệp khác trên địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan quản lý sử dụng đất nông nghiệp theo đúng phân vùng chăn nuôi được phê duyệt; việc bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học đối với giống vật nuôi, khu chăn nuôi;

b) Tạo thuận lợi và hỗ trợ về thủ tục đất đai đối với các nhà đầu tư tham gia đầu tư chăn nuôi theo quy hoạch;

c) Thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án chăn nuôi. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành các nội dung bảo vệ môi trường, của các cơ sở nuôi động vật trên địa bàn Thành phố.

6. Hội Nông dân Thành phố và các Hội - Đoàn thể Thành phố: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động thành viên của tổ chức, vận động người dân tham gia thực hiện tốt quy định này; vận động người chăn nuôi thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn. Phổ biến, công khai khu vực được phép chăn nuôi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố quy định;

b) Bố trí kinh phí và tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật; thống kê, đánh giá, quyết định hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi sau thiên tai, dịch bệnh theo quy định;

c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi, thú y trong địa bàn huyện theo thẩm quyền. Phối hợp với cơ quan chuyên ngành trong việc kiểm tra đánh giá, phân loại các cơ sở theo phạm vi điều chỉnh của Quy định này;

d) Căn cứ vùng chăn nuôi, khu vực được phép chăn nuôi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt để tổ chức quản lý, phát triển chăn nuôi trên địa bàn;

e) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện các nội dung công việc theo thẩm quyền được giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn. Phổ biến, công khai khu vực được phép chăn nuôi đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;

b) Chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động: thống kê, kê khai hoạt động chăn nuôi, bắt chó thả rong, công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn; phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành trên địa bàn để tổ chức thực hiện và xử lý các vi phạm;

c) Giám sát chặt chẽ tình hình chăn nuôi động vật trên địa bàn, không để phát sinh mới các trang trại chăn nuôi, nhà nuôi chim yến không nằm trong khu vực được phép chăn nuôi của Thành phố;

d) Thống kê, đánh giá, đề xuất hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi sau thiên tai, dịch bệnh;

e) Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các trường hợp vi phạm trong địa bàn cấp xã theo thẩm quyền.

Điều 25. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức cá nhân hành nghề thú y

a) Cá nhân hành nghề thú y phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định;

b) Cá nhân làm dịch vụ thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi giống vật nuôi phải có chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo hoặc kỹ thuật cấy truyền phôi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Khi làm dịch vụ thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi phải ghi chép thông tin về chủ hộ, số hiệu đực giống, cái giống, ngày phối giống, lần phối xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

a) Thực hiện các nội dung của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Chấp hành việc lấy mẫu giám sát định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan thú y; thanh toán chi phí lấy mẫu và xét nghiệm theo quy định hiện hành.

c) Cung cấp tài liệu, hồ sơ có liên quan khi có yêu cầu kiểm tra; hợp tác với cơ quan kiểm tra khi được kiểm tra;

d) Sử dụng thuốc thú y, chế phẩm sinh học vi sinh vật, hóa chất dùng trong hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật phải có trong danh mục được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam./.